

ĐỀ CƯƠNG NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý cây xanh, công viên, mặt nước

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về các hoạt động liên quan đến quản lý cây xanh, công viên, mặt nước trong đô thị và khu dân cư nông thôn bao gồm:

a) Tổ chức phát triển cây xanh, công viên và không gian mặt nước;

b) Quản lý, duy trì cây xanh;

c) Quản lý, vận hành công viên;

d) Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản hạ tầng cây xanh, công viên do Nhà nước quản lý.

2. Nghị định này không điều chỉnh đối với:

a) Công viên không hình thành trên đất cây xanh sử dụng công cộng;

b) Các hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng mặt nước.

3. Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến cây xanh, công viên, mặt nước quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Khuyến khích áp dụng quy định của Nghị định này đối với các hoạt động liên quan đến cây xanh, công viên và tổ chức phát triển không gian mặt nước ở các khu chức năng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

...

19. *Không gian công cộng* là những khu vực chung trong đô thị và khu dân cư nông thôn phục vụ các nhu cầu thư giãn, kết nối, tương tác trong cộng đồng mà tất cả mọi người đều có quyền tiếp cận và sử dụng.

20. *Không gian mặt nước* là những khu vực có mặt nước nằm trong hoặc tiếp giáp không gian công cộng của đô thị và khu dân cư nông thôn.

...

Điều 3. Nguyên tắc chung về quản lý cây xanh, công viên, mặt nước

1. Quản lý cây xanh, công viên và không gian mặt nước phải tuân thủ quy

hoạch đô thị và nông thôn được phê duyệt, quy chuẩn kỹ thuật; đáp ứng các yêu cầu về quản lý, sử dụng và khai thác.

2. Quy hoạch, thiết kế và phát triển cây xanh, công viên, **mặt nước** phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu, thổ nhưỡng, tính chất, chức năng, truyền thống, văn hóa và bản sắc của đô thị, thích ứng với biến đổi khí hậu; kết hợp hài hòa với không gian xanh tự nhiên, cảnh quan và môi trường, bảo đảm cân bằng hệ sinh thái, đa dạng sinh học. **Ưu tiên phát triển cây xanh, công viên ở các không gian ven mặt nước.**

...

9. Quản lý, sử dụng và khai thác mặt nước tuân thủ theo quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên nước và pháp luật khác có liên quan.

...

Điều 4. Quản lý cơ sở dữ liệu về cây xanh, công viên

Điều 5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan đến cây xanh, công viên, mặt nước

Chương II. TỔ CHỨC PHÁT TRIỂN CÂY XANH, CÔNG VIÊN VÀ KHÔNG GIAN MẶT NƯỚC

Điều 6. Tổ chức phát triển không gian cây xanh, công viên, mặt nước trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Quy hoạch đô thị và nông thôn phải đáp ứng các yêu cầu về cây xanh, công viên, mặt nước như sau:

a) Bảo đảm chỉ tiêu tỷ lệ đất cây xanh trong cơ cấu sử dụng đất;

b) Bố trí cây xanh, công viên, **mặt nước** hài hòa với không gian phát triển của đô thị và khu dân cư nông thôn theo nguyên tắc được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định này; bảo đảm khả năng tiếp cận của người dân với cây xanh, công viên;

c) Có phương án bảo tồn, cải tạo mặt nước hiện hữu có giá trị về cảnh quan, môi trường, văn hóa, đa dạng sinh học trong phạm vi lập quy hoạch;

d) Có phương án phát triển mặt nước nhân tạo gắn với yêu cầu về cấp, thoát nước ở khu vực khó khăn về nguồn nước hoặc khu vực có nguy cơ ngập úng;

đ) Trường hợp thực trạng khu vực được lập, điều chỉnh quy hoạch để cải tạo, chỉnh trang đô thị chưa đáp ứng chỉ tiêu diện tích đất cây xanh đô thị, quy định quản lý theo quy hoạch đô thị phải quy định về chỉ tiêu diện tích mảng xanh đối với các lô đất xây dựng công trình để tăng diện tích cây xanh đô thị.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm:

a) Tổ chức cắm mốc giới và phát triển quỹ đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn; phát triển, bảo tồn, cải tạo không gian mặt nước trong đô thị và khu dân cư nông thôn theo quy hoạch đô thị và nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Trường hợp đất cây xanh sử dụng công cộng đã được Nhà nước thu hồi nhưng chưa thực hiện dự án đầu tư xây dựng hoặc chưa huy động được nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình công viên, vườn hoa, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền có trách nhiệm giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, sử dụng và khai thác đất đã thu hồi làm vườn ươm hoặc công trình công cộng có tính chất tạm thời theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 7. Đề án phát triển cây xanh, công viên, mặt nước đô thị

1. Đề án phát triển cây xanh, công viên, mặt nước đô thị (sau đây gọi tắt là *đề án*) được xây dựng cho thành phố trực thuộc Trung ương hoặc thành phố trực thuộc tỉnh nhằm mục đích triển khai thực hiện nội dung quy hoạch cây xanh, công viên, mặt nước trong quy hoạch chung đô thị.

2. Nội dung chủ yếu của đề án bao gồm:

- a) Sự cần thiết xây dựng đề án;
- b) Căn cứ pháp lý;
- b) Quan điểm, mục tiêu của đề án;
- c) Đánh giá thực trạng quản lý phát triển cây xanh, công viên, mặt nước;
- d) Định hướng phát triển cây xanh, công viên, mặt nước;
- đ) Đề xuất giải pháp quản lý phát triển cây xanh, công viên, mặt nước;
- e) Xác định danh mục dự án đầu tư phát triển cây xanh, công viên, mặt nước;
- g) Tổ chức triển khai thực hiện đề án;
- h) Các bản vẽ kèm theo đề án bao gồm: Bản đồ hiện trạng và phương án phát triển cây xanh, công viên, mặt nước đô thị thể hiện vị trí, quy mô, loại công viên và vị trí, quy mô không gian mặt nước.

...

Điều 8. Nguồn lực phát triển cây xanh, công viên, mặt nước

Điều 9. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân vào phát triển cây xanh, công viên, mặt nước

Điều 10. Khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển công viên

Điều 11. Khai thác phần đất công viên có mục đích kinh doanh

Điều 12. Trao đổi tín chỉ các-bon thu được từ cây xanh, công viên

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư dự án phát triển cây xanh, công viên

Chương III. QUẢN LÝ CÂY XANH

MỤC 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUẢN LÝ, DUY TRÌ CÂY XANH

Điều 14. Phân loại cây xanh

Điều 15. Yêu cầu chung đối với quản lý, duy trì cây xanh

Điều 16. Loài cây xanh sử dụng công cộng

Điều 17. Chặt hạ, dịch chuyển cây xanh

Điều 18. Đền bù, bồi thường thiệt hại liên quan đến cây xanh

MỤC 2. TỔ CHỨC QUẢN LÝ, DUY TRÌ CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ

Điều 19. Yêu cầu đối với quản lý, duy trì cây xanh sử dụng công cộng đô thị

Điều 20. Phương án thiết kế cây xanh sử dụng công cộng đô thị

Điều 21. Quy trình quản lý, duy trì cây xanh sử dụng công cộng đô thị

Điều 22. Lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị

Điều 23. Quyền và trách nhiệm của đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị

Điều 24. Hợp đồng thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị

MỤC 3. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN HẠ TẦNG CÂY XANH DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ

Điều 25. Tài sản hạ tầng cây xanh do Nhà nước quản lý (Khái niệm và phân loại)

Điều 26. Thẩm quyền giao quản lý, phê duyệt phương án khai thác và xử lý tài sản hạ tầng cây xanh

Điều 27. Giao quản lý tài sản hạ tầng cây xanh

Điều 28. Khai thác tài sản hạ tầng cây xanh

Điều 29. Xử lý tài sản hạ tầng cây xanh

Điều 30. Hồ sơ quản lý tài sản hạ tầng cây xanh

Điều 31. Kế toán tài sản hạ tầng cây xanh

Điều 32. Chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản hạ tầng cây xanh

Điều 33. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản hạ tầng cây xanh

Chương IV. QUẢN LÝ CÔNG VIÊN

MỤC 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH CÔNG VIÊN

Điều 34. Phân loại công viên

Điều 35. Yêu cầu chung đối với quản lý, vận hành công viên

Điều 36. Nội quy công viên

MỤC 2. TỔ CHỨC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH CÔNG VIÊN ĐÔ THỊ

Điều 37. Yêu cầu đối với quản lý, vận hành công viên đô thị

Điều 38. Quy hoạch chi tiết công viên đô thị

Điều 39. Quy trình quản lý, vận hành công viên đô thị

Điều 40. Quản lý hồ, hồ điều hòa trong phạm vi công viên đô thị

Điều 41. Quản lý công trình công cộng ngầm trong phạm vi công viên đô thị

Điều 42. Tổ chức hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, văn hóa nghệ thuật và các sự kiện khác trong công viên đô thị

Điều 43. Lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý công viên đô thị

Điều 44. Quyền và trách nhiệm của đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý công viên đô thị

Điều 45. Hợp đồng thực hiện dịch vụ về quản lý công viên đô thị

MỤC 3. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN HẠ TẦNG CÔNG VIÊN DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ

Điều 46. Tài sản hạ tầng công viên do Nhà nước quản lý (Khái niệm, phân loại)

Điều 47. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản hạ tầng công viên

Điều 48. Thẩm quyền giao quản lý, phê duyệt phương án khai thác và xử lý tài sản hạ tầng công viên

Điều 49. Giao quản lý tài sản hạ tầng công viên

Điều 50. Phương thức khai thác tài sản hạ tầng công viên

Điều 51. Đơn vị được giao quản lý tài sản hạ tầng công viên trực tiếp tổ chức khai thác tài sản

Điều 52. Cho thuê quyền khai thác tài sản hạ tầng công viên đô thị

Điều 53. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hạ tầng công viên đô thị

Điều 54. Giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hạ tầng công viên đô thị

Điều 55. Xử lý tài sản hạ tầng công viên

Điều 56. Hồ sơ quản lý tài sản hạ tầng công viên

Điều 57. Kế toán tài sản hạ tầng công viên

Điều 58. Chi phí liên quan đến việc cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hạ tầng công viên đô thị và xử lý tài sản hạ tầng công viên

Điều 59. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác, xử lý tài sản hạ tầng công viên

Chương V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 60. Trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành

Điều 61. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Điều 62. Trách nhiệm của công dân, cộng đồng

Điều 63. Hiệu lực thi hành